TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HS-PT
Ngày: 24-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng;

2. Ông Trần Minh Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi –Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 38/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn T, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

1. Bị cáo có kháng cáo:

1.1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/6/1975, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Đặng Thị Ú (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1976 và có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2003; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ sáu.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

1.2. Trần Văn T, sinh ngày 01/5/2001, tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký HKTT: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; chổ ở hiện nay: thuê nhà trọ tại ấp T, xã C, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1966; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Ông Hồ Ngọc Q, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ D, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/3/2022, Nguyễn Văn N nói với Trần Văn T muốn kiếm 01 cây mai mang về trồng để ngồi uống nước trà ngắm chơi, rồi N kêu T đến vườn mai của anh Hồ Ngọc Q thuộc tổ D, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang lấy trộm 01 cây mai, N sẽ cho tiền T uống cà phê, được T đồng ý nhưng T không nhận tiền của N.

Để thực hiện, khoảng 21 giờ ngày 29/3/2022 T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67AE - 016.94 đến nhà N, được N mô tả cây mai định lấy trộm của anh Q là cây mai vàng năm cánh, dáng trực, bề hoành gốc 60cm, cao 02m, đế thường, rồi N đưa cho T 02 sợi dây ràng để buộc khi lấy trộm được cây mai. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67AE - 016.94 đến khu vực nhà anh Q, dựng xe cách nhà anh Q khoảng 40m, quan sát không thấy người, T đi bộ lại vườn mai cặp vách nhà anh Q, thấy cây mai như N miêu tả. T liền dùng hai tay nắm thân cây mai lắc 02 - 03 cái định nhổ gốc lên thì bị anh Q phát hiện truy hô nên T bỏ chạy tẩu thoát về hướng đường tỉnh lộ 955A và để lại xe mô tô biển kiểm soát 67AE - 016.94. Sau đó, T trở lại lấy xe thì bị anh Q bắt giữ giao cho Công an xử lý.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 577/KL-ĐG ngày 04/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: 01 cây mai, loại cây mai vàng 05 cánh, dáng trực, bề hoành gốc 60cm, cao 02m, đế thường, trị giá 35.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, loại máy phím cơ, màu đen của Nguyễn Văn N.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen; 01 áo thun dài tay màu xanh; 01 quần thun dài màu đen; 01 cái mũ bảo hiểm, màu đen; 02 sợi dây ràng màu vàng của Trần Văn T;

- 01 cây mai, loại cây mai vàng 5 cánh, dáng trực, bề hoành gốc 60cm, cao 02m, đế thường (đã trả lại cho ông Q);

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 67AE - 016.94, nhãn hiệu FEROU, số loại 50, màu sơn đen xám (đã trả lại cho bà H1).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T khởi tố vụ án, khởi tố bị can, cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn N, Trần Văn T để điều tra, xử lý.

Bản Cáo trạng số 53/CT-VKSTB.HS ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện T để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù và xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo được tính kể từ ngày bắt các bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn N, có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin chuyển từ hình phạt tù sang cải tạo không giam giữ , với các lý do sau: Bản thân chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước, nhận thức pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình có khó khăn, là lao động chính trong nhà; đã ăn năng hối cải, thành khẩn khai báo, mẹ và anh của bị cáo là người có công với cách mạng, mẹ được Nhà nước tặng " huân chương kháng chiến hạng Ba", anh là liệt sĩ.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại có nội dung rõ ràng, gửi trong thời hạn luật định, nên có cơ sở xem xét theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung:

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N, Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù và bị cáo

Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù là tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N có cung cấp thêm tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng "Huân chương kháng chiến hạng Ba", có anh ruột là Nguyễn Văn P được công nhận là liệt sĩ; bị cáo T được Ban ấp Đ, UBND xã T xác nhận thuộc hộ có khó khăn về tế. Đây là tình tiết mới về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị xem xét đến.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Hình sự; sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", cho bị cáo được hưởng án treo.

Xử phạt: Trần Văn T: 06 (sáu) tháng tù "Trộm cắp tài sản", cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo N và T được nộp trong hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, xét thấy bị hại không có kháng cáo, nội dung kháng cáo của bị cáo không liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm vào ngày 09/3/2023 ông Q có mặt và có trình bày ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án do không có kháng cáo, nội dung kháng cáo của bị cáo không liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người này, nên Tòa án không triệu tập những người này đến phiên tòa phúc thẩm.

[2]. Về nội dung, xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T đã có hành vi lấy trộm 01 cây mai vàng của ông Hồ Văn Q1 trị giá 35.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Trần Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3]. Về kháng cáo của các bị cáo, xét thấy:

[3.1]. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo N là người nảy sinh ý định lấy trộm cây mai của ông Q1, nên có chuẩn bị công cụ và kêu T đi lấy trộm, còn bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi.

[3.2]. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo cùng có có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, bị hại có xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Án sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo ngoan 09 tháng tù, xử phạt bị cáo T 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo đã thực hiện.

[3.3]. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có mẹ ruột là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng "Huân chương kháng chiến hạng ba", có anh ruột là Nguyễn Văn P là người có công với cách mạng, được công nhận là liệt sĩ, người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo T được Ban ấp Đ, UBND xã T xác nhận thuộc hộ có khó khăn về tế. Đây là những tình tiết mới về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

[3.4]. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án. Xét, nếu không bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh trật tự. Do đó, Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách bằng 02 lần mức hình phạt tù, được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[3.5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Trần Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh

An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Trần Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58, Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, được tính từ ngày 24/3/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: Trần Văn T 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính từ ngày 24/3/2023.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã An Phú, UBND xã Thới Sơn, huyện T;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh AG;
- Phòng KTNV & THAHS TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn